



jūn zhuāng

军装

noun · military uniform

Example Sentences

Tā chuān zhe yī shēn lǜ sè de jūn zhuāng

他穿着一身绿色的军装。

He is wearing a green military uniform.

Jūn zhuāng shàng de huī zhāng dài biǎo le tā de jūn xián

军装上的徽章代表了他的军衔。

The badge on the military uniform represents his rank.

Trace each character, then write the word on your own.

军	军	军	军	军	军	军	军	军		
装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装
装	装	装	装							